

Số: 685/TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 22 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 16 – 22/8/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 25,7 – 27,2°C; Cao nhất: 34,5°C; Thấp nhất: 22,1°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 79 – 87%; Thấp nhất: 52%.
- Tổng số giờ nắng: 48 – 55 giờ.
- Lượng mưa: 95 – 190 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, chiều tối mưa diện rộng, rải rác mưa vừa, có nơi mưa to đến rất to và dông. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa:

Vụ Hè Thu: Xuống giống 22.826 ha/22.185 ha, vượt 102,89% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: trổ-chín (4.727 ha), thu hoạch (18.099 ha).

Vụ Mùa: Xuống giống 695 ha/25.233 ha. Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trái-thu hoạch	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.415
Xoài	Phát triển thân lá	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Thu hoạch	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Phát triển thân lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển thân lá	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. **Trên cây lúa:** Các SVH chủ yếu: Bệnh đạo ôn cổ bông DTN 348 ha giảm 32 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 532 ha giảm 57 ha, bệnh lem lép hạt DTN 210 ha tăng 35 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn thu hoạch, SVH chủ yếu là bệnh rỉ sắt DTN 23 ha giảm 76 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 322 ha giảm 5 ha, bệnh loét DTN 50 ha tăng 15 ha.

+ Chôm chôm: Bệnh cháy mép lá DTN 98 ha tăng 5 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mủ DTN 485 ha tăng 10 ha, bệnh nấm hồng DTN 229 ha tăng 9 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh thán thư DTN 906 ha giảm 26 ha, bệnh chết chậm DTN 928 ha tăng 4 ha trong đó có 103 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 537 ha tăng 6 ha trong đó có 5 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 400 ha giảm 3 ha, bệnh nấm hồng DTN 103 ha tăng 3 ha.

+ Cây mì: Bọ phấn DTN 575 ha giảm 478 ha, bệnh vi khuẩn DTN 439 ha tăng 209 ha, bệnh khảm lá virus DTN 361 ha tăng 245,9 ha so với kỳ trước, trong đó có 65,3 ha nhiễm nhẹ, 103,8 ha nhiễm trung bình, 191,9 ha nhiễm nặng. Diện tích nhiễm trên địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhơn Trạch.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL - LXL, đạo ôn, bệnh bạc lá, sâu cuốn lá, bệnh lem lép hạt, chuột.

- Cây bắp: Chú ý sâu đục thân, bắp, đóm lá nhỏ.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhày, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mủ, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thối trái, rệp sáp (chôm chôm).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số công văn số 4239/BNN-BVTV, ngày 4/6/2018 về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL, LXL hại lúa của Bộ NN&PTNT.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 4142/BNN-BVTV, ngày 30/5/2018 về việc Phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ NN&PTNT.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sầu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 16/8 đến ngày 22/8/2018)

Cây trồng	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố	
		Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng						
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc-lá non	3 - 10		320	2	0	322	0	-5.0	111.0	215	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành
	Bệnh loét	Ra lộc-lá non	7		50	0	0	50	0	15.0	-41.0	150	Vĩnh Cửu
	Bệnh sẹo	Các giai đoạn	5 - 8		47	1	0	48	0	3.0	21.0	11	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		32	0	0	32	0	0.0	10.0	0	Định Quán
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Thu hoạch	10		95	3	0	98	0	5.0	22.0	23	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh muội đen	Thu hoạch	1 - 10		33	1	0	34	0	-8.0	-17.0	5	Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đóm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		104	6	0	110	0	2.0	55.0	40	Trảng Bom, Thống Nhất
Dừa	Đuông	Các giai đoạn	10		20	0	0	20	0	2.0	20.0	30	Nhơn Trạch
	Bọ cánh cứng	Các giai đoạn	5		15	0	0	15	0	-7.0	15.0	30	Nhơn Trạch
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		25	0	0	25	0	0.0	25.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	0.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	3 - 10		485	0	0	485	0	10.0	230.0	212	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	7 - 10		295	0	0	295	0	7.0	198.0	106	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 15		229	0	0	229	0	9.0	105.0	132	Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
	Rầy bông	Các giai đoạn	5 - 10		133	0	0	133	0	0.0	-22.0	127	Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất

Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10		74	19	5	98	0	0.0	-24.0	0	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		223	0	0	223	0	22.0	168.0	0	Định Quán
	Bệnh cháy lá	Phát triển thân lá	7		150	0	0	150	0	0.0	138.0	50	Xuân Lộc
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc, bông, trái non-ra lộc bông trái	10 - 17		34	0	0	34	0	0.0	8.0	30	Thống Nhất, Trảng Bom
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		737	9	0	746	0	12.0	87.0	122	Cầm Mỹ, Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		414	2	0	416	0	0.0	-46.0	12	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		285	12	0	297	0	1.0	14.0	16	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		142	0	0	142	0	8.0	79.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Tân Phú
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		100	1	0	101	0	-18.0	-220.0	15	Cầm Mỹ, Tân Phú, Trảng Bom
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	3 - 13		473	1	0	474	0	4.0	191.0	0	Cầm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	7 - 20		448	2	0	450	0	-48.0	333.0	207	Tân Phú, Long Thành, Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 10		397	3	0	400	0	-3.0	97.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16		103	0	0	103	0	3.0	-39.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10	25	73	8	0	81	0	-3.0	-117.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	796	29	103	928	0	4.0	289.0	424	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất, TX Long Khánh, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		860	46	0	906	0	-26.0	66.0	79	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15 -	572	22	1	595	0	-8.0	108.0	17	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng

				22									Bom, TX Long Khánh, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	485	47	5	537	0	6.0	24.0	104	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4 - 15	146	9	2	157	0	-2.0	23.0	63	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Mía	Sâu đục thân	Vuron lỏng	5 - 10		136	0	0	136	0	51.0	113.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		575	0	0	575	0	-478.0	575.0	50	Long Thành
	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5 - 10		438	1	0	439	0	209.0	184.0	320	Long Thành, Nhon Trạch, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	1 - 100	30 - 80	65.3	103.8	191.9	361	0	245.9	361.0	374.6	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom
Ngô (Bắp)	Bệnh rỉ sắt	Thu hoạch	15		21	2	0	23	0	-76.0	-1.0	0	Trảng Bom
Lúa	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Trở chín-thu hoạch	10 - 20	30	512	20	0	532	0	-57.0	465.0	237	Xuân Lộc, Nhon Trạch, Long Khánh, Tân Phú, Định Quán
	Bệnh đạo ôn lá	Trở chín-thu hoạch	5 - 10		426	12	0	438	0	35.0	277.0	243	Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Trở chín-thu hoạch	3 - 5	8	308	40	0	348	0	-32.0	212.0	308	Định Quán, Nhon Trạch, Long Thành, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh khô vằn	Trở chín-thu hoạch	5 - 20		233	4	0	237	0	87.0	210.0	120	Nhon Trạch, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Trở chín-thu hoạch	6 - 10		210	0	0	210	0	35.0	156.0	335	Nhon Trạch, Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Ốc bươu vàng	Trở chín-thu hoạch	1		126	5	0	131	0	126.0	-222.0	3	Trảng Bom, Thống Nhất
	Nhện gié	Trở chín-thu hoạch	15		120	0	0	120	0	10.0	84.0	0	Nhon Trạch
	Chuột	Trở chín-thu hoạch	3 - 5		79	0	0	79	0	-26.0	35.0	15	Nhon Trạch, Tân Phú, Trảng Bom, Định Quán
					6	0	0	6	0	6.0	6.0	6	Thống Nhất
Bầu bí	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	2		6	0	0	6	0	6.0	6.0	6	Thống Nhất, Nhon Trạch
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	4 - 30		4	0	0	4	0	3.0	-2.0	4	Thống Nhất, Nhon Trạch

Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10		10	1	0	11	0	-3.0	11.0	2	Trảng Bom, Nhơn Trạch
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		12	2	0	14	0	-4.0	-8.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10		3	1.5	0	4.5	0	-0.5	-2.5	1	Trảng Bom, Nhơn Trạch
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	Các giai đoạn	4 - 10		20.6	0	0	20.6	0	4.6	14.6	14.6	Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, TP Biên Hòa
	Bọ nhậy	Các giai đoạn	10 - 12		11.6	0	0	11.6	0	-5.4	-7.4	5.6	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	4 - 10		7.6	0	0	7.6	0	7.6	2.6	7.6	Thống Nhất, TP Biên Hòa
Rau cần nước	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	5.0	5.0	5	Thống Nhất
	Sâu xanh	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	5.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau mồng tơi	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	3		0.5	0	0	0.5	0	0.5	0.5	0.5	TP Biên Hòa
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3.5	0.5	0	4	0	1.0	1.0	0	Trảng Bom